

## RỦI RO GIẢM ĐIỂM VẪN CÒN

### CHIẾN LƯỢC HÀNH ĐỘNG

<b>MUA</b>	Nhà đầu tư cần thận trọng trong việc giải ngân vào thị trường ở giai đoạn này khi vùng cân bằng chưa được xác lập.
<b>BÁN</b>	Nhà đầu tư, chủ động cơ cấu danh mục, đưa tỉ trọng cổ phiếu về mức an toàn và kiên nhẫn chờ đợi những tín hiệu tạo đáy cân bằng rõ ràng hơn.

### ĐIỂM NHẤN ĐẦU TƯ

# ANV

THEO DÕI

**↑ 9,88%**

VND18.900

### NHẬN ĐỊNH XU HƯỚNG VN-INDEX TRONG NGÀY

- **Diễn biến TTCK thế giới:** Phố Wall giảm điểm trong phiên ngày thứ Sáu (10/1), khi báo cáo việc làm nóng hơn dự báo làm giảm kỳ vọng của NĐT về việc Fed cắt giảm lãi suất trong năm nay.
- **Xu hướng VN-Index ngắn hạn:** Chỉ số VN-Index giảm điểm trước áp lực bán tăng lên và đóng cửa cuối tuần lùi về sát mốc 1.230 điểm. Thanh khoản tuy giảm cho thấy biểu hiện của dòng tiền thận trọng, trong khi đó nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục duy trì đà bán ròng trước áp lực tỷ giá. Về kỹ thuật, rủi ro giảm điểm ngắn hạn của thị trường vẫn còn tiếp diễn khi chỉ số DXY tiếp tục neo ở mức cao. Chúng tôi kỳ vọng lực cầu giá thấp sẽ xuất hiện và giúp chỉ số hồi phục trở lại khi chỉ số tiếp cận vùng hỗ trợ 1.200-1.215 điểm.

### Thị trường thế giới

Chỉ số	Điểm số	%Chg	YTD
Dow Jones	41.938,45	-1,63	-1,42
S&P 500	5.827,04	-1,54	-0,93
Nasdaq	19.161,63	-1,63	-0,77
VIX	19,54	8,14	12,62
DAX	20.214,79	-0,50	1,54
FTSE 100	8.248,49	-0,86	0,92
CAC40	7.431,04	-0,79	0,68
Hang Seng	19.064,29	-0,92	-4,96

Nguồn: Bloomberg

### ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN-INDEX



### Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
Xu hướng VN-Index	SELL	SELL	BUY

  

Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động
RSI (14)	33,73	SELL
MACD (12,26)	-3,39	SELL
ADX (14)	16,67	SELL
SMA5	1.244,11	SELL
SMA20	1.259,75	SELL
SMA50	1.251,47	SELL
SMA100	1.262,61	SELL
SMA200	1.259,12	SELL

## ĐIỂM TIN CHÍNH

- Chỉ số DXY tăng 0,72 điểm so với tuần trước, lên mức 109,64 điểm – đánh dấu chuỗi tăng 6 tuần liên tiếp, đưa sức mạnh đồng USD tiến gần hơn đến mức đỉnh 113,13 điểm từng thiết lập vào ngày 10/09/2022.
- Trên thị trường năng lượng, giá dầu thô Brent giao sau tại London tăng 2,84 USD/thùng, tương đương tăng 3,69%, đạt 79,76 USD/thùng. Giá dầu WTI giao sau tại New York tăng 2,65 USD/thùng, tương đương tăng 3,58%, đạt 76,57 USD/thùng.
- Theo dữ liệu từ Wichart cho thấy trong tuần từ 6/1 đến 10/1, Ngân hàng Nhà nước đã phát hành 68.750 tỷ đồng tín phiếu, với lãi suất 4%. Cùng thời gian trên, có 35.140 tỷ đồng tín phiếu đáo hạn, lượng hút ròng qua kênh này khoảng 33.610 tỷ đồng. Trên kênh cho vay cầm cố giấy tờ có giá, nhà điều hành đã cho các thành viên vay tổng cộng gần 55.000 tỷ đồng với lãi suất 4%/năm, trong tuần từ 6/1 đến 10/1. Tuy nhiên khối lượng đáo hạn lên tới 73.986 tỷ đồng. Như vậy, tổng hút ròng qua kênh này lên tới 18.986 tỷ đồng. Như vậy, tổng cộng trong tuần qua (từ 6/1 đến 10/1) NHNN đã hút về 52.596 tỷ đồng.
- **MBB:** Về kết quả kinh doanh của MB, đến hết năm 2024, tổng tài sản đạt hơn 1 triệu tỷ đồng, tăng 18% so với đầu năm. Tín dụng tăng 25% (766,000 tỷ đồng), huy động vốn tăng 19% (800,000 tỷ đồng). Tổng thu nhập Ngân hàng năm 2024 đạt 47.4 ngàn tỷ đồng, tăng 21%, trong khi lợi nhuận trước thuế đạt 27.6 ngàn tỷ đồng, tăng 12% so với năm trước.
- **VNM:** Siêu dự án trang trại bò sữa của liên doanh Lao-Jagro dự kiến có tổng vốn đầu tư hai giai đoạn đến 500 triệu USD, Vinamilk đã được chấp thuận nâng vốn đầu tư trong liên doanh lên 85,2 triệu USD.
- **POW:** Doanh thu toàn tổng công ty đạt 31.979 tỷ đồng, vượt 1% kế hoạch năm 2024 và tăng 10% so với năm 2023. Trong đó, doanh thu từ sản xuất điện ước đạt 30.210 tỷ đồng, doanh thu từ dịch vụ ước đạt khoảng 327 tỷ đồng, doanh thu khác ước đạt khoảng 1.441 tỷ đồng.
- **DVP:** Cảng Đình Vũ dự kiến tạm ứng cổ tức năm 2024 cho cổ đông bằng tiền mặt với tỷ lệ 30%/cổ phiếu, tức cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu sẽ nhận được 3.000 đồng. Ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền nhận cổ tức là ngày 10/2/2025, ngày dự kiến thanh toán ngày 27/2/2025.
- **VIC:** Ngay trong năm 2025, Tập đoàn Vingroup và UBND tỉnh Thái Nguyên sẽ ưu tiên hợp tác các lĩnh vực chuyển đổi xanh giao thông, phát triển khu công nghiệp xanh, khu công nghiệp thế hệ mới.

Nguồn: VPBankS Research

## Thị trường hàng hóa

Chỉ số	Giá (USD)	%Chg	YTD
Vàng	2.681,41	-0,31	2,17
Dầu WTI	78,12	2,02	8,92
Dầu Brent	81,23	1,84	8,83
Than	113,50	-1,94	-9,38
Đồng	9.091,50	0,14	3,69
Quặng sắt	95,48	0,61	-8,92
Thép	456,00	0,66	-4,15

## Thị trường ngoại tệ

Chỉ số	Giá	%Chg	YTD
DXY	109,661	0,01	1,08
USD/JPY	157,83	-0,06	-0,40
USD/CNY	7,3326	-0,01	-0,45
EUR/USD	1,0245	0,01	-1,05
GBP/USD	1,2202	-0,04	-2,51

## Lãi suất một số NHTW

NHTW	Lãi suất	Cuộc họp tiếp theo	Thay đổi gần nhất
FED	4,75%	18/12/2024	-0,25
ECB	3,40%	12/12/2024	-0,25
BOE	4,75%	19/12/2024	-0,25
BOJ	0,25%	19/12/2024	0,15
SBV	6,50%	-	-50bp

## Top 5 CP có GTGD lớn nhất

Mã CP	GTGD	Giá	%Chg
STB	556,24	35.200	-3,30
FPT	373,94	147.300	-1,01
HPG	368,44	25.550	-1,73
SSI	514,41	23.700	-2,87
DXG	95,92	14.400	-3,68

## Top 5 CP vốn hóa lớn nhất

Mã CP	Vốn hóa	Giá	%Chg
VCB	510.842,94	91.400	-0,54
BID	269.692,85	39.100	-2,13
FPT	216.688,49	147.300	-1,01
CTG	201.374,69	37.500	0,27
HPG	163.424,19	25.550	-1,73

Nguồn: Investing, Bloomberg, VPBankS Research

# ANV

## Khuyến nghị

Giá hiện tại

Giá mục tiêu

Tiềm năng tăng giá

Vùng giải ngân

Ngưỡng cắt lỗ

## THEO DÕI

18.100

18.900

9,88%

16.800-17.200

<16.300

## THÔNG TIN CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP

- Lũy kế 9 tháng đầu năm, Thủy sản Nam Việt ghi nhận doanh thu thuần đạt 3.550 tỷ đồng, tăng 6,7% so với cùng kỳ và lãi ròng đi ngang, đạt 42,5 tỷ đồng. Qua đó, hoàn thành 71% kế hoạch doanh thu và 14% kế hoạch lãi cả năm.
- Về triển vọng xuất khẩu cá tra trong thời gian tới, kỳ vọng ngành cá tra Việt Nam sẽ phục hồi trong năm tới nhờ động lực chủ yếu từ thị trường Mỹ. Trong đó, giá cá tra xuất khẩu dự kiến sẽ tăng trong bối cảnh thiếu hụt nguồn cung.

## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CỔ PHIẾU

- ANV đang trong nhịp giảm ngắn hạn với mức giảm gần 16% kể từ đỉnh. Nhà đầu tư có thể cho vào danh sách theo dõi, canh các nhịp điều chỉnh để giải ngân thăm dò đối với cổ phiếu ANV, vùng mua dự kiến quanh ngưỡng 16.300-16.800 đồng.

## Thông tin tài chính

	FY2022	FY2023	Q3 2024
DTT (tỷ đ)	4.897	4.439	1.341
LNTT (tỷ đ)	774	64	37
LNST (tỷ đ)	674	39	28
Nợ/VCSH (%)	67	68	62
ROE (%)	25,82	1,36	1,35
ROA (%)	13,01	0,74	0,76
EPS (VNĐ)	2.650	146	147,49
P/E (lần)	4,3	106,7	122,72
P/B (lần)	0,99	1,47	1,69

Nguồn: VPBankS Research

## ĐỒ THỊ KỸ THUẬT CỔ PHIẾU



## Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
Xu hướng	SELL	SELL	BUY

  

Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động
RSI (14)	35,58	SELL
MACD (12,26)	-0,14	SELL
ADX (14)	29,89	SELL
SMA5	18.670	SELL
SMA20	19.830	SELL
SMA50	18.930	SELL
SMA100	17.530	BUY
SMA200	16.800	BUY

# DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
<b>Danh mục theo dõi</b>										
<b>Danh mục cổ phiếu chạm điểm mua</b>										

**Lưu ý:** Các mã khuyến nghị đầu tư dựa trên yếu tố dòng tiền đầu cơ và có xu hướng tích lũy/tăng trong ngắn hạn theo phương pháp phân tích kỹ thuật.

## DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	MWG	Chốt lời	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	54,8	37,8	31/7/2023	54	32,35%
2	NLG	Chốt lời	31,3-32,45	9/6/2023	32	38,3	30,2	18/7/2023	38,3	19,69%
3	MWG	Hạ tỷ trọng	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	47,8	37,8	11/7/2023	48,8	19,61%
4	DGW	Chốt lời	54,5-56	16/2/2024	56	63,2	53,9	13/3/2024	64,3	16,07%
5	HCM	Chốt lời	21,1-22	20/12/2023	21,9	24,3	20,4	2/1/2024	25,4	15,98%
6	SSI	Chốt lời	27,8-28,8	26/10/2023	27,2	32,8	26,9	10/11/2023	31,5	15,81%
7	DBC	Chốt lời	20,3-20,6	20/6/2023	20,6	23,6	19,2	6/7/2023	23,85	15,78%
8	DGW	Chốt lời	32,4-33	16/5/2023	33	37,2	30,7	6/6/2023	37,8	14,55%
9	VPB	Chốt lời	18,6-19,2	26/4/2023	19,2	22,6	17,9	1/8/2023	21,95	14,32%
10	ANV	Chốt lời	34,8-36,3	11/9/2023	36,3	41,2	33,8	22/9/2023	41,2	13,50%
11	DGW	Chốt lời	49-51,5	21/11/2023	50	57,8	48	8/1/2023	56,7	13,40%
12	HCM	Chốt lời	25,9-26,3	12/6/2023	26,3	29,5	24,5	5/7/2023	29,8	13,31%
13	SSI	Chốt lời	28,0-28,6	1/8/2023	28,6	33,5	27,4	25/8/2023	32,3	12,94%
14	PVS	Chốt lời	30,4-31,2	22/8/2023	31,2	35,2	29,3	30/8/2023	35,2	12,82%
15	HPG	Chốt lời	24,8-25,8	22/8/2023	25,8	29,1	24	7/9/2023	29,1	12,79%
16	NKG	Chốt lời	17,3-17,7	5/7/2023	17,5	20,4	16,3	21/7/2023	19,7	12,57%
17	KSB	Chốt lời	26,6-27,1	8/6/2023	27,1	30,5	25,2	27/6/2023	30,5	12,55%
18	NKG	Chốt lời	20,3-20,8	24/11/2023	20,8	23,9	19,6	30/11/2023	23,35	12,26%
19	HAH	Chốt lời	34-35,5	23/11/2023	35	40,7	32,9	26/12/2023	39,2	12,00%
20	GVR	Chốt lời	18,9-19,3	28/6/2023	19,3	22,3	18	11/7/2023	21,6	11,92%
21	VCG	Chốt lời	25,5-26,2	18/8/2023	26,2	29,3	24,5	5/9/2023	29,3	11,83%

# DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN GẦN ĐÂY

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	GVR	Cơ cấu	33,3-34,5	20/8/2024	34,5	38,3	32,5	22/10/2024	35,3	2,32%
2	HAH	Chốt lời	41-42,5	4/11/2024	42,5	46,3	40	8/11/2024	46,3	8,94%
3	MWG	Cắt lỗ	63,5-65,5	17/9/2024	65,5	72,8	61,8	12/11/2024	61,8	-5,65%
4	HCM	Chốt lời	26-27	19/11/2024	27	29,8	25,7	6/12/2024	29,8	10,37%
5	ANV	Chốt lời	17,8-18,1	27/11/2024	18	19,5	17,3	6/12/2024	20,5	13,89%
6	STB	Chốt lời	30,5-31,5	20/11/2024	31,5	34,5	30	18/12/2024	34,2	9,52%
7	VCI	Cơ cấu	32-33,5	26/11/2024	33,5	36,2	31,4	7/1/2025	32,5	-2,99%
8	SSI	Cơ cấu	25,5-26	19/12/2024	25,8	28,6	24,8	7/1/2025	25,35	-1,74%
9	GMD	Cơ cấu	63,8-65	12/11/2024	65	72,2	61,8	7/1/2025	64	-1,54%
10	PVD	Cắt lỗ	23,3-23,6	13/12/2024	23,3	26	22,4	7/1/2025	22,4	-3,86%
11	DPM	Cắt lỗ	34-35,5	25/11/2024	35,2	38	33	10/1/2025	33,5	-4,83%
12	HPG	Cắt lỗ	26-26,5	5/12/2024	26,5	29	25,2	10/1/2025	25,55	-3,58%
13	VPB	Cắt lỗ	18,8-19	17/12/2024	19	20,5	17,9	10/1/2025	18,5	-2,63%
14	TCB	Cắt lỗ	23,5-23,9	19/12/2024	23,8	26,3	22,7	10/1/2025	23,4	-1,68%
15	SZC	Cắt lỗ	41-42	19/12/2024	42	45,8	40	10/1/2025	41	-2,38%

Email: [Chienluochitruong@vpbanks.com.vn](mailto:Chienluochitruong@vpbanks.com.vn)

Theo dõi chúng tôi tại:



Mở tài khoản VPBankS



## Miễn trừ trách nhiệm:

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo. Phòng Chiến lược thị trường chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Chiến lược thị trường không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Báo cáo được lập với mục đích dự báo, cảnh báo những rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra, được sử dụng như thông tin tham khảo trong nội bộ VPBankS và VPBank. Chúng tôi không chịu trách nhiệm với các lan truyền thông nằm ngoài phạm vi này.

Bản quyền báo cáo thuộc về VPBankS, mọi hành vi sao chép, sửa đổi từng phần hoặc toàn bộ báo cáo là vi phạm bản quyền.

1

2

3

## TƯ VẤN ĐẦU TƯ

### Khuyến nghị:

- ACE NĐT vẫn tiếp tục tận dụng những phiên tăng điểm chốt lời ngắn hạn và tái cấu trúc mua lại khi TT điều chỉnh giảm điểm.
- Vùng hỗ trợ chỉ số VNI : 1150-1165.

👍👍 2

Khuyến nghị 10/1/2024

Mã CP	NVL	Tỷ lệ
Mua	16-16.5	
Cắt lỗ	Đuối 14	-(-12%)
Chốt lời 1:(50%)	18-19	-13%-18%
Chốt lời 2:(50%)	21-22	-18-37%
Mã CP	MSN	Tỷ lệ
Mua	65-66	
	(Cú hốt DCA về 61-62)	
Cắt lỗ	Đuối 59	-(-5%)
Chốt lời 1:(50%)	72-75	-13%-14%
Chốt lời 2:(50%)	Nằm giữ	
Mã CP	GEX	Tỷ lệ
Mua	21-21.5	
Cắt lỗ	19.8	-(-4%)
Chốt lời 1:(50%)	23-24	-7%-12%
Chốt lời 2:(50%)	25.5-26	-13%-14%

Ngoài những cp theo nhóm ngành đặc thù đã khuyến nghị, ACE tham khảo thêm CP khác theo khuyến nghị.

## CHỐT LÃI HÀNG NGÀY

Mã chứng khoán	MWG
Tổng khối lượng CK	190,000
Giá vốn trung bình	43.34
Gốc đầu tư	🕒 99,800 đ
Giá trị thị trường	8,280,000,000 đ
Lãi/lỗ (lợi nhuận)	+479,500,200 đ (6.15%)

### Một số mã cổ phiếu đáng chú ý:

- BMP: Lợi nhuận sau thuế đạt 257 tỷ đồng, tăng nhẹ so với cùng kỳ.
- ANV: Doanh thu đạt 4.439 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế chỉ còn 42 tỷ đồng, giảm lần lượt 9% và 94% so với năm 2022.
- MCM: Doanh thu gần như đi ngang nhưng lợi nhuận sau thuế tăng 8% so với năm 2022.
- MSB: Lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt 5.830 tỷ đồng, tăng nhẹ so với năm 2022.

🎉 Chúc mừng ACE đã mua HPG dưới 27.2 như khuyến nghị ngày 10/1, PVD giá 27.x theo khuyến nghị 22/1.

## THAM GIA NHÓM ZALO



Quét mã hoặc truy cập  
[ginlabs.vn/room](https://ginlabs.vn/room)